TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **520**/2022/HS-PT
Ngày: 21-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

C*ác thẩm phán*: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Thái Duy Nhiệm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Hải An, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Lý, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 249/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Trần Trung A và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Bị cáo Trần Trung A; (Trần Trung A); tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/4/1989, tại Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố C, thị trấn C1, huyện C2, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở hiện nay: Chung cư D, phường D1, thành phố D2, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn P và bà Phạm Thị M; có vợ là Đỗ Hải H và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

2. NGUYỄN BÁ B; tên gọi khác: Không; sinh ngày 04/4/1996, tại Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm E, thôn E1, xã E2, huyện E3, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Xóm F, xã F1, huyện F2, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt

Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Bá T và bà Lê Thị N; có vợ là Dương Thị Y, chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Trung A: Luật sư Bùi Văn L, Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá B: Luật sư Nguyễn Mạnh G, Văn phòng Luật sư G, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

* *Bị hại:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam Thái Nguyên; người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông LEE K, sinh năm 1965, quốc tịch: Hàn Quốc, chức vụ: Tổng Giám đốc, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Nguyễn Tuấn Y, sinh năm 1985, chức vụ: Phó Trưởng phòng An ninh, (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam, Thái Nguyên là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài, (sau đây viết tắt là Công ty S), có trụ sở và nơi sản xuất tại: Khu Công nghiệp I, phường I1, thị xã I2, tỉnh Thái Nguyên do ông Lee K, Quốc tịch: Hàn Quốc làm Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty). Công ty S có 02 khu vực làm việc riêng biệt gồm: Tòa nhà linh kiện 1, 2; tòa nhà sản xuất gồm: Tòa nhà linh kiện 3, 4, 5, mỗi khu vực làm việc có 05 cổng ra vào phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa và đi lại của công nhân. Để kiểm soát hàng hóa và con người ra vào các tòa nhà sản xuất, Công ty S bố trí các chốt an ninh có các nhân viên bảo vệ, cùng hệ thống cửa từ và camera giám sát. Công ty S chia thành nhiều bộ phận làm việc khác nhau, đứng đầu là Giám đốc bộ phận quản lý chung và Trưởng bộ phận trực tiếp điều hành công việc, dưới quyền Trưởng bộ phận là các Trợ lý, Trưởng ca, Trưởng nhóm, Phó Trưởng nhóm và nhân viên, công nhân.

Bộ phận làm việc tại tòa nhà sản xuất khu vực 1 có 02 bộ phận gồm: Nguyên vật liệu chính và Quản lý gia công, bộ phận Quản lý gia công có Văn phòng làm việc tại tòa nhà hỗ trợ ngay cạnh tòa nhà sản xuất. Về công việc của bộ phận nguyên vật liệu chính có nhiệm vụ nhận hàng hóa, linh kiện đã được gia công thành phẩm do các Công ty đối tác của Công ty S cung cấp, trong đó có

cụm mặt trước và cụm màn hình điện thoại di động để đưa vào dây chuyền lắp ráp thành chiếc điện thoại di động hoàn chỉnh. Bộ phận Quản lý gia công, có nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện kế hoạch sản xuất, giải quyết các vấn đề lỗi liên quan đến hệ thống cho các Công ty đối tác nhận nguyên vật liệu của Công ty S, để gia công thành phẩm và chuyển lại thành phẩm cho Công ty S. Để đảm bảo kế hoạch sản xuất, các dây chuyền sản xuất lắp ráp phải hoạt động liên tục, bộ phận Nguyên vật liệu chính và bộ phận Quản lý gia công, chia thành 02 ca làm việc nối tiếp nhau, trong đó ca ngày từ 08 giờ đến 17 giờ 48 phút, ca đêm từ 20 giờ đến 05 giờ 48 phút ngày hôm sau, các công nhân của Công ty S có thể làm thêm giờ và sau 2 tuần sẽ đổi ca 01 lần. Trong quá trình sản xuất, để vận chuyển các linh kiện ra ngoài các tòa nhà và cổng ra, vào Công ty được thực hiện thông qua việc lập phiếu xuất hàng, toàn bộ việc lập, phê duyệt, sử dụng phiếu xuất hàng được thực hiện, quản lý, lưu giữ trên hệ thống phần mềm của Công ty. Đối với việc lập phiếu xuất hàng, chỉ những người được Công ty cung cấp tài khoản đăng nhập hệ thống nội bộ và được bộ phận giao nhiệm vụ lập phiếu xuất hàng, mỗi tài khoản đăng nhập phải có mật khẩu và chỉ dùng 02 mật khẩu được thay đổi luân phiên khi hệ thống yêu cầu.

Trần Trung A ký hợp đồng lao động với Công ty S ngày 19/9/2016, làm việc tại bộ phận Nguyên vật liệu chính, được bổ nhiệm Trưởng ca ngày 11/7/2017, có nhiệm vụ quản lý toàn bộ nhân viên ca sản xuất, quản lý toàn bộ việc nhận vật liệu đầu vào, đầu ra trong ca sản xuất, xử lý các vấn đề phát sinh để đảm bảo vận hành sản xuất ổn định, tổng hợp và báo cáo các vấn đề trong ca sản xuất cho Trưởng phòng.

Nguyễn Bá B ký hợp đồng lao động với Công ty S ngày 08/12/2018, làm việc tại bộ phận Quản lý gia công, được phân công quản lý sản xuất, quản lý chỉ số hoàn thành sản lượng hàng ngày, hỗ trợ giải quyết các vấn đề lỗi liên quan đến hệ thống của Công ty S, đảm bảo cho việc sản xuất, cung cấp hàng hóa cho công ty theo khung giờ, báo cáo các chỉ số sản xuất, trong các trường hợp cần thiết làm phiếu xuất hàng chuyển vật liệu, hàng hóa từ Công ty đến bộ phận phục vụ cho việc sản xuất.

Khoảng đầu năm 2019, A gặp B, với chức vụ là Trưởng ca, nên A biết trong kho hàng vật liệu do A quản lý có số lượng hàng hóa là các linh kiện cụm mặt trước và cụm màn hình điện thoại di động S Galaxy, chủng loại A4, A5, A8, S9, S10e, S10 Plus, S20, S20 Plus, S20 Ultra, Note 10, là hàng dự phòng và không được quản lý chặt chẽ, nên A đã trao đổi cho B biết. Do nắm được sơ hở

trong việc quản lý tài sản của Công ty S, nên cả hai đã nảy sinh ý định chiếm đoạt các tài sản của Công ty S, bằng các thủ đoạn, cách thức như sau: A có nhiệm vụ xác định số lượng, chủng loại và mang linh kiện dư thừa ra khỏi kho vật liệu, B có nhiệm vụ tiếp nhận rồi lập phiếu xuất hàng đưa ra ngoài Công ty tìm nơi tiêu thụ. Để tránh bị phát hiện, cả hai thống nhất hàng hóa chiếm đoạt để tại khu vực kho thiết bị của bộ phận Quản lý gia công, thời điểm thực hiện trong ca làm việc ban đêm, lúc đó ít người qua lại. Khi thực hiện, A trực tiếp lấy các cụm mặt trước điện thoại và cụm màn hình điện thoại để tại giá hàng cuối kho vật liệu, rồi cho vào thùng cát tông hoặc lấy luôn các khay có chứa linh kiện bên trong, đi theo 02 cung đường trong Công ty, sau đó mang đến để tại khu vực kho thiết bị, rồi điện thoại thông báo cho B biết. B kiểm đếm, ghi số lượng, chủng loại rồi đến văn phòng làm việc của bộ phận lập phiếu xuất hàng. Lấy lý do chuyển hàng hóa cho Công ty kiểm tra lỗi, nhưng thực tế không chuyển hàng cho Công ty, B được các nhân viên uỷ quyền phê duyệt trong ca làm việc ban đêm là anh Bùi Đức U, anh Lê Tuấn U1, anh Nguyễn Hữu U2, anh Nguyễn Danh X và anh Lê Văn X1 phê duyệt các phiếu xuất hàng mà không nghi ngờ gì. Sau khi phiếu xuất hàng được phê duyệt, B mang phiếu cùng số linh kiện chiếm đoạt đến khu vực cửa từ ra vào tòa nhà để kiểm tra an ninh, rồi mang ra cổng chính của Công ty S. B đem bán cho Nguyễn Hoàng Z, trú tại xóm Z1, xã Z2, thị xã Z3, tỉnh Thái Nguyên số tài sản chiếm đoạt với giá từ 300.000 đồng đến 1.200.000 đồng/chiếc, tùy theo chủng loại, số tiền bán được khoảng 380.000.000 đồng, B chia cho A một nửa và chi tiêu cá nhân hết.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2019 đến tháng 10 năm 2020, A và B đã cùng nhau thực hiện 33 lần chiếm đoạt tài sản của Công ty S với số lượng, chủng loại gồm 1.356 linh kiện cụm mặt trước và cụm màn hình điện thoại di động.

Ngày 04/11/2020, Công ty S đã có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, đề nghị giải quyết về hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty bị mất. Đến ngày 06/11/2020, A và B đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đầu thú.

Tại Kết luận số 980/STC-QLGDN ngày 22/03/2021 của Hội đồng định giá tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Tổng giá trị tài sản do 02 bị cáo chiếm đoạt trong năm 2019 là: 2.564.221.363 đồng; Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong năm 2020 là: 1.724.077.886 đồng. Trong thời gian từ tháng 5 năm 2019 đến

tháng 10 năm 2020, bị cáo A và B đã chiếm đoạt tài sản của Công ty S có tổng giá trị là 4.288.299.249 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

* Tuyên bố các bị cáo Trần Trung A (Trần Trung A) và Nguyễn Bá B phạm tội "Tham ô tài sản".

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Trung A (Trần Trung A) 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2020.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá B 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2020.

* Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Bá B 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung công quỹ nhà nước. Cấm bị cáo Trần Trung A đảm nhận chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời gian 01 năm, sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586 và Điều 591 Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa đại diện theo ủy quyền của bị hại với các bị cáo Trần Trung A và Nguyễn Bá B. Buộc bị cáo Trần Trung A có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam, Thái Nguyên 20.000.000 đồng, (hai mươi triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Bá B có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam, Thái Nguyên 158.242.355 đồng, (một trăm năm mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng).

- Tạm giữ số tiền 150.242.355 đồng (một trăm năm mươi triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, Chi nhánh Thái Nguyên, Phòng Giao dịch W của bị cáo Nguyễn Bá B đang bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên phong tỏa tài khoản theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/CSKT ngày 13/01/2021, để đảm bảo thi hành án cho bị cáo B.

- Tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) của bị cáo Trần Trung A đã nộp tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, để đảm bảo thi hành án cho bị cáo A.

- Tạm giữ số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Bá B đã nộp tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, để đảm bảo thi hành án cho bị cáo B.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tạm giữ 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 34A-377.71, nhãn hiệu Honda Civic của bị cáo Nguyễn Bá B để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh đen, đã qua sử dụng, màn hình vỡ, mẻ một vài góc của bị cáo Nguyễn Bá B để đảm bảo thi hành án cho bị cáo B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 24/01/2022, bị cáo Trần Trung A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/02/2022, bị cáo Nguyễn Bá B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết, nhưng cả hai bị cáo đều cho rằng mức hình phạt 20 năm tù là quá nặng vì sau khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã ra đầu thú, trong quá trình điều tra đã luôn thành khẩn khai nhận và rất ân hận về tội lỗi của mình, trong số các linh kiện cụm mặt trước và cụm màn hình điện thoại di động S Galaxy, chủng loại A4, A5, A8, S9, S10e, S10 Plus, S20, S20 Plus, S20 Ultra, Note 10 mà các bị cáo đã chiếm đoạt đều là hàng lỗi, đang chờ kiểm tra lại và tiêu hủy. Chính vì vậy mà tại phiên tòa sơ thẩm đại diện bị hại chỉ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 178.242.355 đồng, trong đó, bị cáo A bồi thường 20.000.000, bị cáo B bồi thường 158.242.355 đồng. Số tiền bồi thường trên cả hai bị cáo đều đã thực hiện xong.

Bị cáo A có ông, bà tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bản thân khi còn làm việc tại Công ty S Việt Nam bị cáo cũng đã được khen thưởng, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện rất khó khăn, bố đẻ đang bị suy thận giai đoạn cuối.

Bị cáo B có hoàn cảnh khó khăn, hai vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con, bố bị cáo cũng từng tham gia quân đội, trong khi chờ xét xử phúc

thẩm bị cáo đã tác động đến gia đình nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung là 30.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Tại phiên tòa ngày hôm nay hai bị cáo đã cung cấp thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới:

Bị cáo A gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo. Bị cáo B gia đình khó khăn, đã nộp xong tiền hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cả 2 bị cáo đảm bảo tính nhân văn của pháp luật.

Đối với tài sản là chiếc xe ô tô BKS 34A-377.71 nhãn hiệu Honda Civic của bị cáo Nguyễn Bá B và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của bị cáo B, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành, tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm là 30.200.000 đồng (Ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng) nên đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá B chiếc xe và chiếc điện thoại di động.

Từ những phân tích trên đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo Trần Trung A 17 năm tù, bị cáo Nguyễn Bá B 17 năm tù. Tuyên trả lại cho bị cáo B tài sản là chiếc xe ô tô BKS 34A-377.71 và chiếc điện thoại Iphone.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận về phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nhất trí đề nghị xin giảm hình phạt của đại diện Viện kiểm sát.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Trung A và Nguyễn Bá B, xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự là không đúng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi phạm tội của các bị cáo có dấu hiệu của tội "Trộm cắp tài sản", trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại và được đại diện bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt tù cho các bị cáo. Các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn, qua lời khai của các bị cáo cũng thể hiện những linh kiện mà các bị cáo chiếm đoạt bao gồm cả hàng bị lỗi, hàng dự phòng, không xác định được giá trị của hàng lỗi. Công ty S cũng không chỉ rõ cơ sở nào để cấu thành lên mức giá những linh kiện chưa bán trên thị

trường nên chưa thể định giá chính xác giá trị tài sản bị chiếm đoạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký và người bào chữa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong hạn luật định, do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Kết luận giám định, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 10/2020, Trần Trung A. lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là Trưởng ca làm việc tại bộ phận nguyên vật liệu chính cấu kết với Nguyễn Bá B là nhân viên trực thuộc bộ phận quản lý gia công, cùng nhau chiếm đoạt các linh kiện cụm mặt trước và cụm màn hình điện thoại di động của Công ty S, tổng số tài sản do các bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 4.288.299.249 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết và quyết định là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy như sau: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và môi trường đầu tư của nước ngoài tại Việt Nam. Tuy nhiên cũng cần đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, ngày 04/11/2020, Công ty S đã có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, thì ngay sau đó ngày

06/11/2020, A và B đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đầu thú.

Trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải, các bị cáo đã bồi thường hết số tiền mà bị hại yêu cầu. Do vậy, các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đó là: *"Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại"* và *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"*, các bị cáo đều được đại diện bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt tù, bị cáo A có ông nội được nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương kháng chiến hạng nhì. Do vậy, bị cáo A được hưởng thêm 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo B được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải, gia đình bị cáo A có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, con còn nhỏ, vợ không có công việc và thu nhập ổn định đã được chính quyền địa phương xác nhận, đến nay số tiền mà đại diện bị hại đề nghị bồi thường các bị cáo đã bồi thường xong và được đại diện bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt tù cho các bị cáo. Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo B đã nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung là 30.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm khi các luật sư đưa ra quan điểm về giá trị tài sản và trong số các linh kiện mà các bị cáo chiếm đoạt có những linh kiện bị lỗi, thì đại diện người bị hại cũng không phủ nhận hoặc khẳng định chất lượng của các sản phẩm trên mà chỉ nêu "... *còn vấn đề hàng lỗi trong linh kiện cụm mặt trước và linh kiện cụm màn hình điện thoại mà các bị cáo chiếm đoạt, nếu có hàng lỗi thì công ty sẽ phải lập phiếu xuất hàng và được phê duyệt chuyển lại cho bên "Vendor" để gia công lại chứ không phải cứ hàng lỗi là được chuyển tùy tiện đi bất cứ nơi đâu..."* và sau đó vẫn tiếp tục giữ nguyên ý kiến xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Với những phân tích như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giảm nhẹ một phần mức hình phạt tù cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 34A-377.71, nhãn hiệu Honda loại Civic, màu sơn trắng, đang bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên kê biên theo Lệnh kê biên tài sản số 02/CSKT ngày 15/7/2021 và 01 chiếc điện

thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh đen, đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ, mẻ một vài góc thuộc quyền sở hữu của bị cáo Nguyễn Bá B mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án: Do bị cáo Nguyễn Bá B đã thi hành xong hình phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm, do đó cần trả lại cho bị cáo B số tài sản nêu trên.

Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1. Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Trần Trung A. (Trần Trung A), Nguyễn Bá B; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố các bị cáo Trần Trung A (Trần Trung A) và Nguyễn Bá B phạm tội "Tham ô tài sản".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trung A (Trần Trung A) 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2020.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá B 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2020.

3. Xác nhận bị cáo Nguyễn Bá B đã thi hành xong hình phạt bổ sung là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm (tại Biên lai thu tiền số 0000351 ngày 18/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên).

- Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá B 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 34A-377.71, nhãn hiệu Honda Civic (đang bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên kê biên theo Lệnh kê biên tài sản số 02/CSKT ngày 15/7/2021) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh đen, đã qua sử dụng, màn hình vỡ, mẻ một vài góc của bị cáo Nguyễn Bá B.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Bá B, Trần Trung A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao.
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- CA tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu: VT, HCTP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng